TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng Thái Dương

2. Ông Nguyễn Thịnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị D**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trương Công L,** sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Công L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa do anh Lcó mối quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên gây gỗ với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa

cách. Hiện tại, chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Công L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung gồm: Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1996 và Trương Công Th, sinh ngày 08/10/2003, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Công Th, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trương Thị Mỹ H đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 3 năm 2021, bị đơn anh Trương Công L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay, chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh đồng ý để chị Dtrực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Công Th, sinh ngày 08/10/2003, anh không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tạ Thị D là nguyên đơn, anh Trương Công L là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dung, anh Llà có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Tạ Thị D và anh Trương Công L là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị D, anh L có 02 con chung gồm: Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1996 và Trương Công Th, sinh ngày 08/10/2003, sau khi ly hôn chị D, anh L thống nhất để chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Công Th, chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom

con chung không ai được quyền cản trở; còn cháu Trương Thị Mỹ H đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, chị D, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tạ Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị D là nguyên đơn, anh Trương Công L là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị D, anh L chung sống với nhau vào từ năm 1995 không có đăng ký kết hôn. Xét việc sống chung với nhau như vợ chồng của chị D, anh L không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị D và anh Trương Công L.

[3] Về nuôi con chung: Chị D, anh L thống nhất sau khi ly hôn, chị D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Công Th, sinh ngày 08/10/2003. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Th là muốn sống cùng chị D khi cha mẹ ly hôn; chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, chị D, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị D và anh Trương Công L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Công Th, sinh ngày 08/10/2003 cho chị Tạ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

Ghi nhận con chung Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1996, đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị D, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Tạ Thị D và anh Trương Công L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp tại biên lai thu số 0001586 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị D và anh Trương Công L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan